Cảm nhận ngôn ngữ qua bài thơ Tiếng Việt của Lưu Quang Vũ

LÊ CÔNG SỰ *

Trong quãng đời sáng tạo nghệ thuật ngắn ngủi của mình, nhà viết kịch - nhà thơ *Lưu Quang Vũ* (1948-1988) đã để lại cho hậu thế nhiều vở kịch nổi tiếng, nhiều bài thơ hay phản ánh các đề tài khác nhau của cuộc sống, trong số đó bài thơ ***Tiếng Việt***** là một ví dụ điển hình.

Mỗi con người dù thuộc dân tộc, quốc gia và thời đại nào thì *tiếng mẹ đẻ* bao giờ cũng là một phương tiện giao tiếp thấm sâu vào máu thịt. Khi đứa trẻ mới lên một lên hai, bi bô học nói, thứ ngôn ngữ đó cứ từng giờ, từng ngày thấm sâu vào tiềm thức, đọng lại trong ký ức như những hạt trầm tích, để rồi khi cần, những chất liệu đó được khơi lên, góp thành những phương thức ứng xử trong cuộc sống. Cảm nhận được những công dụng cũng như sự linh hoạt, tế nhị, linh thiêng thầm kín trong tiếng mẹ đẻ của mình, nhà thơ Lưu Quang Vũ đã viết bài thơ *Tiếng Việt*.

Mở đầu bài là khổ thơ về tiếng của người mẹ - người đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc đời mỗi con người, bởi vì chính mẹ là người sinh ra và ru chúng ta bằng những lời dịu ngọt ban đầu:

Tiếng mẹ gọi trong hoàng hôn khói xẩm
Cánh đồng xa cò trắng rủ nhau về
Có con nghé trên lưng bùn ướt đẫm
Nghe xạc xào gió thổi giữa cau tre.

Tiếp sau tiếng của Mẹ là thứ tiếng của Cha-người đưa đường chỉ lối trong đời sống và truyền thụ cho ta những kinh nghiệm quý báu trong lao động:

Tiếng cha dặn khi vun cành nhóm lửa
Khi hun thuyền, gieo mạ, lúc đưa nôi.

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp-đó là luận đề mà triết học Mác-Lênin đã nêu ra cho mọi thứ ngôn ngữ nói chung, nhưng tiếng Việt còn có thêm một chức năng không kém phần quan trọng của ngôn ngữ đó là tính giáo dục nhân văn thông qua những lời ru, tiếng hát. Và cũng từ những lời ru tiếng hát này, tâm hồn con người được nuôi dưỡng, được chắp cánh bay cao, bay xa hoà nhập với đời sống loài người.

Như chúng ta đã biết, một trong những đặc điểm của tiếng Việt với tư cách là một ngôn ngữ là tiếng Việt **nói** ra đời từ rất lâu, sau đó mới hình thành tiếng Việt **viết**:

Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói
Vầng trăng cao đêm cá lặn sao mờ
Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa
Óng tre ngà và mềm mại như tơ.

Hơn thế nữa, hệ thống thanh điệu trong tiếng Việt góp phần làm cho từng câu chữ trở nên sinh động, khi trầm khi bổng, thánh thót nhẹ nhàng:

Tiếng tha thiết nói thường nghe như hát
Kể mọi điều bằng rúi rít âm thanh

* TS. Trường Đại học Ngoại ngữ

** Xem bài *Tiếng Việt* in trong sách *Lưu Quang Vũ, thơ và đời*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội 1997, tr.322-325.

Như gió nước không thể nào nắm bắt
Dấu huyền trầm dấu ngã chênh vênh.
Dấu hỏi dựng suốt ngàn đời lửa cháy....

Tiếng Việt là một thứ ngôn ngữ giàu sức gợi cảm, chỉ cần nghe một tiếng nói nào đó, chúng ta có thể liên tưởng đến những âm thanh của rừng, của biển của gió, của mưa và những hình ảnh sinh động của tự nhiên:

*Một tiếng **vườn** bóng lá cành vươn*
*Nghe mát lịm ở đầu môi tiếng **suối***
*Tiếng **heo** may gợi nhớ những con đường.*

Như một định mệnh, tiếng Việt hành trình cùng lịch sử dân tộcViệt từ buổi khai thiên lập địa cho đến tận bây giờ. Chính vì vậy, trải qua bao cuộc chiến tranh xâm lược của phương bắc và phương tây, mặc dầu nước có thể tạm thời rơi vào tay giặc, thành trì có thể bị san bằng, nhưng tiếng Việt vẫn giữ nguyên bản sắc dân tộc, nó không hề bị đồng hoá, hay lai căng, mất gốc:

Tiếng chẳng mất khi loa thành đã mất
Nàng Mỵ Châu quỳ xuống lạy cha già.

Tiếng mẹ đẻ không chỉ là phương tiện giao tiếp xã hội mà nó còn là nguồn cảm hứng cho sáng tạo nghệ thuật của những nhà thơ biết trăn trở với đời, mà Nguyễn Du là một điển hình:

Tiếng tủi cực kẻ ăn cầu ngủ quán
Thành Nguyễn Du vằng vặc nỗi thương đời.

Quả đúng vậy, trong *Truyện Kiều* cũng như trong *Văn tế thập loại chúng sinh* (Văn chiêu hồn) chúng ta bắt gặp những tiếng kêu ai oán của các nhân vật là nạn nhân của chế độ phong kiến. Có thể nói, thành công của Nguyễn Du trước hết là thành công về nghệ thuật vận dụng ngôn từ, mà đó chính là tiếng nói của đời sống hiện thực - đó là tiếng kêu than của nàng Kiều trong những cảnh khổ đau tủi nhục, tiếng kêu xin của những kẻ hành khất. Những tiếng than khóc đó thông qua xúc cảm trái tim nhân hậu của nhà thơ, đã trở thành những vần thơ ai oán. Xét về phương diện lịch sử thì đó chính là những bản cáo trạng lên án nỗi thống khổ của con người dưới chế độ phong kiến.

Với một tầm nhìn rộng ra ngoài thế giới, Lưu Quang Vũ cho rằng, trên trái đất của chúng ta có hàng trăm nghìn thứ tiếng nói cao quý khác nhau, song đối với tác giả thì tiếng Việt vẫn là thứ tiếng cao quý và linh thiêng nhất:

Trái đất rộng giàu sang bao thứ tiếng
Cao quý thâm trầm rực rỡ vui tươi
Tiếng Việt rung rinh nhịp đập trái tim người
Như tiếng sáo như dây đàn máu nhỏ
Buồm lộng gió xô, mai kề trúc nở
Phá cũi lồng vời vợi cánh chim bay
Tiếng nghẹn ngào như đời mẹ đắng cay
Tiếng trong trẻo như hồn dân tộc Việt.

Tiếng nói đúng là linh hồn dân tộc; khi tiếng nói của một dân tộc nào đó bị mất đi thì danh nghĩa của dân tộc đó không còn nữa. Bởi vì, hơn mọi thứ, tiếng nói chính là chất keo gắn chặt các thành viên trong cộng đồng tạo thành một sức mạnh vật chất và tinh thần trong cuộc đấu tranh chống lại thiên nhiên dữ dằn, chống lại thù trong giặc ngoài. Tiếng nói dân tộc thể hiện sự cảm thông sâu sắc, sự chia sẻ niềm vui nỗi buồn của mỗi người trong cộng đồng: ☞

Mỗi sớm dậy nghe bốn bề thân thiết
Người qua đường chung tiếng Việt cùng tôi
Như vị muối chung lòng biển mặn
Như dòng sông thương mến chảy muôn đời.

Không chỉ có thế, tiếng nói dân tộc như một suối nguồn chảy từ thời đại này qua thời đại khác, làm cho các thế hệ xích lại gần nhau hơn, thế hệ sau có thể nói được những lời mà thế hệ trước chưa nói ra được:

Ai thuở trước nói những lời thứ nhất
Còn thô như mảnh đá thay rìu
Điều anh nói hôm nay, chiều sẽ tắt
Ai người sau nói tiếp những lời yêu?

Là một nhà thơ cầm súng trong những năm chiến tranh chống Mỹ ác liệt, Lưu Quang Vũ có nhiều trăn trở, suy tư với thời, với đời, anh cảm nhận rằng tiếng Việt như một mặch ngầm văn hoá tuôn chảy trong lòng mỗi người dân nước Việt, dù họ sống ở đâu trên trái đất này, dù họ đứng ở giới tuyến bên này hay bên kia:

Ai phiêu bạt nơi chân trời góc biển
Có gọi thầm Tiếng Việt mỗi đêm khuya?
Ai ở phía bên kia cầm súng khác
Cùng tôi trong Tiếng Việt quay về.

Ở đây, ngôn ngữ đã vượt qua giới hạn của nó để trở thành một vũ khí đấu tranh sắc bén, thành sự đồng cảm giữa những người cùng dòng máu, cùng chung một tiếng nói.

Tác giả kết thúc bài bằng một khổ thơ khá hay nói lên tâm trạng của một người mang nặng trách nhiệm với cuộc sống, với cộng đồng, đất nước. Dường như có sự mách bảo của số phận, Lưu Quang Vũ như cảm nhận rằng mình làm được quá ít cho đất nước nói chung, cho sự phát triển của tiếng Việt nói riêng:

Ôi tiếng Việt suốt đời tôi mắc nợ
Quên nỗi mình quên áo mặc cơm ăn
Trời xanh quá tim tôi hồi hộp quá
Tiếng Việt ơi Tiếng Việt ân tình...

Bài thơ *Tiếng Việt* của Lưu Quang Vũ không những đem lại cho ta cảm xúc sâu sắc về vai trò của ngôn ngữ trong đời sống của con người, mà còn gợi cho ta lòng yêu nước và tự hào dân tộc - một dân tộc kiên cường bất khuất trước mọi cuộc chiến tranh xâm lược. Sự kiên cường bất khuất đó có được nhờ sự đoàn kết thống nhất, mà chất keo của sự đoàn kết thống nhất đó chính là tiếng Việt. Thông qua một tiếng nói chung, người Việt gắn kết với nhau thành một khối để vượt qua mọi thác ghềnh của lịch sử.

Bài thơ *Tiếng Việt* của Lưu Quang Vũ còn gợi ra cho chúng ta *những ý tưởng khoa học trong việc học tập và giảng dạy tiếng Việt ở Trường Đại học Ngoại ngữ.*

Là một trong những trung tâm giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ (đối với người nước ngoài) chúng ta cần có sự đầu tư thoả đáng cả về cơ sở vật chất và học thuật. Chúng ta phải chú trọng đến việc giảng dạy ngữ pháp kết hợp với lĩnh vực *đất nước học*. Vấn đề đặt ra là: Cần phải làm gì và làm như thế nào để có thể kết hợp được việc giảng dạy tiếng Việt với việc truyền bá văn hoá của dân tộc mình cho người học? Nên chăng chúng ta cần kết hợp giữa việc học ở trên lớp với việc nghe các bài hát, xem các bộ phim tài liệu về đất nước con người Việt, tổ chức tham quan các danh lam thắng cảnh cho học

viên để qua đó khơi dậy ở họ lòng yêu mến *đất nước Việt Nam* và yêu tiếng Việt.

Trở lại với vấn đề bài thơ *Tiếng Việt* thể hiện một đề tài mới của thi ca Việt Nam hiện đại - *đề tài về ngôn ngữ;* đây là một mảnh đất mới khai hoang còn ít người cày xới. Với trực giác thơ nhạy cảm của mình, Lưu quang Vũ đã bắt nhịp được với cuộc sống, bằng một thứ ngôn ngữ hình tượng, anh đã phác họa cho chúng ta một bức tranh thơ đầy gợi cảm với những âm thanh trong tiếng Việt, để rồi từ đó đưa chúng ta quay trở về với cội nguồn dân tộc; về với *làng* với *nước*, nơi mỗi chúng ta cất tiếng khóc chào đời, lớn lên học ăn, học nói, trưởng thành, vào đời, để rồi cuối cùng lại hoá thân vào *đất* và *nước,* nơi mỗi chúng ta được sinh ra. ❐

ОТГЛАГОЛЬНОЕ СУЩЕСТВИТЕЛЬНОЕ...

(tiếp theo trang 21)

Что касается вопроса, почему происходит усиление в современном русском языке тенденции номинативности научного изложения, то это, как было отмечено, вызывается неуклонным повышением уровня абстрактности научного мышления на современном этапе развития мировой научки. Ученые наших дней, прибегая к ОГС для создания полупредикативных центров, стремятся вложить в рамки простого предложения как можно больше содержания. В результате простое предложение структурно и семантически усложняется, получает возможность выразить не один, а несколько элементарных смыслов, соответствующих актуальным фактам действительности.

СПИСОК ЦИТИРУЕМОЙ ЛИТЕРАТУРЫ

1. Виноградов В.В. - *Русский язык (Грамматическое учение о слове).* «Высшая школа», М.,1972.
2. Кожина М.Н. - *О речевой системности научного стиля сравнительно с некоторыми другими*, Пермь, 1972
3. Кожина М.Н., Котюрова М.П. - *О некоторых тенденциях функционирования единиц синтаксиса в русской научной речи*, М., 1978
4. Митрофанова О.Д. - *Научный стиль речи: проблемы обучения.* «Русский язык», М., 1985.
5. Пешковский А.М. - *Избранные труды*. «Учпедгиз», М.,1959.